

Số: 18/2026/QĐST-DS

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Căn cứ vào các Điều 357, 428, 466; 468 của Bộ luật Dân sự; Các 91; 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 182; 196 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 53/2026/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2026.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

\* Nguyên đơn: Công ty cổ phần M (công ty M)

Địa chỉ: tầng A, tòa nhà C, số B, T, phường Y, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T - Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc T1 - Trưởng phòng Xử lý nợ Auto.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Phúc T1:

Ông Phạm Văn N - Chuyên viên xử lý nợ.

\* Bị đơn: Ông Lê Thế C - sinh năm 1976

CCCD số: 038076003224

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

\* Về quá trình vay nợ: Ông Phạm Văn N và anh Lê Thế C thống nhất:

Ngày 06/02/2018 anh C có vay của Ngân hàng V số tiền 470.000.000 đồng theo Hợp đồng vay số: LN1802020503530 ngày 06/02/2018 (giải ngân ngày 06/02/2018). Thời hạn vay: 83 tháng; lãi suất tại thời điểm cho vay: 9,4%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên, 12 tháng tiếp theo áp dụng lãi suất tiết kiệm 24 tháng bậc cao nhất của Bên ngân hàng đang áp dụng công với biên độ 5,5%/năm, điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Đây là khoản vay riêng của anh C.

Tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET CRUZE, số khung RLLJF696EHH941652, số máy **F16D3163120446** Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 36A-305.00, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của anh Lê Thế C theo Hợp đồng thế chấp số: LN1802020503530 ngày 06/02/2018 .

\* Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phạm Văn N và anh Lê Thế C thống nhất: anh C đã trả nợ theo hợp đồng tính đến ngày 26/8/2020 là 283.639.625 đồng. Trong đó: tiền gốc đã trả: 158.601.952 đồng; tiền lãi đã trả: 125.037.673 đồng.

Ngày 27/12/2024, Ngân hàng TMCP V1 đã bán toàn bộ khoản nợ tín dụng của anh Lê Thế C cho Công ty Cổ phần M theo Hợp đồng mua bán nợ số 15/2024/VPB-JUPITER. Theo đó, V đồng ý bán và Công ty M đồng ý mua khoản nợ của khách hàng vay, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà Ông Lê Thế C đã ký kết với V.

\* Về số tiền còn nợ: Ông Phạm Văn N và anh Lê Thế C thống nhất: Anh C còn nợ công ty M tính đến ngày 07/4/2026 tổng số tiền **692.948.771** đồng; bao gồm:

- + Nợ gốc: 311.398.048 đồng
- + Nợ lãi trong hạn: 248.704.107 đồng
- + Nợ lãi quá hạn: 132.846.616 đồng.

\* Về trách nhiệm trả nợ, ông Phạm Văn N và anh Lê Thế C thống nhất: Do V đã bán toàn bộ khoản nợ trên cho công ty M nên anh C có trách nhiệm trả cho công ty M số tiền còn nợ tính đến ngày 07/4/2026 là **692.948.771** đồng.

Trường hợp anh C không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ thì anh C chấp nhận để công ty M phát mại tài sản bảo đảm (chiếc ô tô) theo Hợp đồng thế chấp số: LN1802020503530 ngày 06/02/2018 để thu hồi nợ. Nếu tiền phát mại tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì anh C có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho đến khi tất toán khoản vay.

\* Về thời hiệu khởi kiện: ông Phạm Văn N và anh Lê Thế C thống nhất không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện.

\* Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: ông Phạm Văn N và anh Lê Thế C thống nhất: Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hòa giải thành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay.

- Về án phí: ông Phạm Văn N và anh Lê Thế C thống nhất:

Anh Lê Thế C phải chịu 15.858.975 đồng (mười lăm triệu tám trăm năm mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty cổ phần M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại 15.500.000 đồng (mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 - Thanh Hóa theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001894 ngày 13/03/2026.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND khu vực 9;;
- Phòng THADS khu vực 9;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Đình Huy**